

ỐNG NỐI CHỊU SỨC CĂNG

I. PHẠM VI ỨNG DỤNG :

Tiêu chuẩn này được áp dụng cho ống nối chịu sức căng dùng cho cáp ACSR.

II. TIÊU CHUẨN :

- TCVN 3624 : Các mối nối tiếp xúc điện - Qui tắc nghiệm thu và phương pháp thử
- AS 1154 : Insulator and conductor fittings for overhead power lines.

III. MÔ TẢ :

- Ống nối chịu sức căng dùng để nối dây nhôm lõi thép với dây nhôm lõi thép
- Ống nối chịu sức căng bao gồm 2 ống nối : 01 ống nối chịu lực dùng để nối lõi thép của dây ACSR và 1 ống nối dẫn điện để nối phần dây nhôm bên ngoài lõi thép.
- Loại : Ép.
- Cỡ ống nối :
 - + Loại 1 : sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 400/64mm²
 - + Loại 2 : sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 330/43mm²
 - + Loại 3 : sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 240/32mm²
 - + Loại 4 : sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 185/24mm²
 - + Loại 5 : sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 150/19mm²
 - + Loại 6 : sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 120/19mm²
 - + Loại 7 : sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 95/16mm²
 - + Loại 8 : sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 70/11mm²
 - + Loại 9 : sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 50/8mm²
- Điện trở mối nối với dây dẫn sau khi ép nối hoàn chỉnh không vượt quá 75% điện trở của dây dẫn có chiều dài tương đương.

- Độ bền điện và cơ :

Loại	9	8	7	6	5	4	3	2	1
Dòng điện ổn định nhiệt trong 2s [kA]	3,0	4,3	5,8	7,3	9,2	11,3	14,6	20,1	24,4
Lực giữ dây của ống nối trong 1 phút sau khi nối (không bị tuột) [kN]	14,5	20,5	28,4	35,3	39,4	49,4	63,8	88,2	109,8

- Trên bề mặt của ống nối phải có các ký hiệu sau :
 - + Tên nhà sản xuất
 - + Mã hiệu của ống nối

ỐNG NỐI CHỊU SỨC CĂNG

- + Các vị trí ép
- + Cờ dây sử dụng
- + Cờ đai ép
- + Loại kèm ép

IV. CÁC HẠNG MỤC THỬ NGHIỆM ĐIỂN HÌNH :

- Thử độ bền cơ (*)
- Thử độ bền điện:
 - + Thử chu kỳ nhiệt (*)
 - + Thử ổn định nhiệt (*)

(*) : các hạng mục bắt buộc thử khi mua sắm hàng hóa (Biên bản thử nghiệm điển hình phải đính kèm theo hồ sơ chào hàng)

V. BẢNG TÓM TẮT CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

STT	MÔ TẢ	YÊU CẦU	CHÀO THẦU
1.	Hạng mục		(*)
2.	Nhà sản xuất		(*)
3.	Nước sản xuất		(*)
4.	Mã hiệu		(*)
5.	Các yêu cầu kỹ thuật chung trình bày trong bản “YÊU CẦU KỸ THUẬT CHUNG”	Đáp ứng	(*)
6.	Tiêu chuẩn sản xuất và thử nghiệm	AS 1154, TCVN 3624 hoặc tương đương	(*)
7.	Ống nối chịu sức căng dùng để nối dây nhôm lõi thép với dây nhôm lõi thép	Đáp ứng	(*)
8.	Ống nối chịu sức căng bao gồm 2 ống nối : 01 ống nối chịu lực dùng để nối lõi thép của dây ACSR và 1 ống nối dẫn điện để nối	Đáp ứng	(*)

ỐNG NỐI CHỊU SỨC CĂNG

	phần dây nhôm bên ngoài lõi thép.		
9.	Loại	Ép	(*)
10.	Cỡ ống nối : + Loại 1 : + Loại 2 : + Loại 3 : + Loại 4 : + Loại 5 : + Loại 6 : + Loại 7 : + Loại 8 : + Loại 9 :	sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 400/64mm ² sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 330/43mm ² sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 240/32mm ² sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 185/24mm ² sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 150/19mm ² sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 120/19mm ² sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 95/16mm ² sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 70/11mm ² sử dụng cho cáp nhôm lõi thép 50/8mm ²	(*)
11.	Điện trở mối nối với dây dẫn sau khi ép nối hoàn chỉnh không vượt quá 75% điện trở của dây dẫn có chiều dài tương đương.	Đáp ứng	(*)
12.	Độ bền điện và cơ :		(*)
13.	Dòng điện ổn định nhiệt trong 2s [kA] : + Loại 1 : + Loại 2 : + Loại 3 : + Loại 4 : + Loại 5 : + Loại 6 : + Loại 7 : + Loại 8 :	24,4 20,1 14,6 11,3 9,2 7,3 5,8 4,3	(*)

ỐNG NỐI CHỊU SỨC CĂNG

	+ Loại 9 :	3,0	
14.	Lực giữ dây của ống nối trong 1 phút sau khi nối (không bị tuột) [kN]		(*)
	+ Loại 1 :	109,8	
	+ Loại 2 :	88,2	
	+ Loại 3 :	63,8	
	+ Loại 4 :	49,4	
	+ Loại 5 :	39,4	
	+ Loại 6 :	35,3	
	+ Loại 7 :	28,4	
	+ Loại 8 :	20,5	
	+ Loại 9 :	14,5	
15.	Trên bề mặt của ống nối phải có các ký hiệu sau :	+ Tên nhà sản xuất + Mã hiệu của ống nối + Các vị trí ép + Cỡ dây sử dụng + Cỡ đai ép + Loại kèm ép	(*)

(*) : là các yêu cầu cơ bản

(**) : là các yêu cầu không cơ bản